

**CÔNG TY TNHH MTV
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
QUẬN TÂN BÌNH**

Mã số thuế: 030 141 6876

*Báo cáo của Hội đồng Thành viên
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Thành viên	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3- 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 23

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng Thành viên

Các thành viên Hội đồng Thành viên Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoài	Chủ tịch
Ông Hà Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Trâm	Thành viên

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hà Văn Toàn	Giám đốc
Ông Lê Minh Truyền	Phó Giám đốc
Ông Thái Văn Toàn	Phó Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động công ích: Vệ sinh công cộng, vận chuyển rác và dịch vụ công cộng. Quản lý duy tu, công trình giao thông, công trình đô thị trên địa bàn theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Quản lý, sửa chữa và cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp Quận quản lý.
- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng và xây dựng, sửa chữa nhà dân dụng theo hợp đồng kinh tế; Xây dựng, sửa chữa công trình giao thông, xây dựng công trình công cộng; Sản xuất, kinh doanh dụng cụ và các loại thùng rác (340 lít, 660 lít, 1100 lít) để phục vụ công tác thu gom vận chuyển rác; Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; Thi công công trình cây xanh. Duy tu, chăm sóc hoa viên, tiểu đảo, dải phân cách công viên cây xanh. Dịch vụ mai táng.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 23.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Thành viên Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

9. Phê duyệt của Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Thành viên



NGUYỄN VĂN HOÀI

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Số: 280/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Vào ngày 31/12/2015, chúng tôi không được tham dự nhằm chứng kiến việc tiến hành kiểm kê thực tế hàng tồn kho của Quý Công ty. Với những tài liệu hiện có tại Quý Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được sự chính xác, hiện hữu và đầy đủ của tài sản này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

- Tại mục số 3 – trang 16 – phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng giá trị nguyên vật liệu tồn kho của Công ty đến ngày 31/12/2015 là 10.617.618.517 đồng. Các nguyên vật liệu này đã được xuất kho đến các đội để thực hiện thi công các công trình. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được các biên bản quyết toán từ các đội, nên chưa phân loại phù hợp sang chi phí sản xuất kinh doanh của từng công trình.

- Tại mục số 3 (*) – trang 16 – phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận doanh thu cũng như chi phí tương xứng của các công trình đã hoàn thành với tổng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 239.233.603 đồng, do Công ty chưa tập hợp đầy đủ chi phí liên quan đến các công trình này và chưa có biên bản quyết toán từ cấp có thẩm quyền. Do đó, khoản lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 là 18.606.877.611 đồng đã chưa bao gồm khoản lãi (lỗ) có thể phát sinh khi tiến hành ghi nhận doanh thu và chi phí như đã nêu.

- Tổng chi phí lương phát sinh năm 2015 là 93.628.316.269 đồng. Các khoản chi phí này được Công ty tạm tính dựa trên sản lượng dịch vụ hoàn thành và đơn giá kế hoạch. Chi phí lương này sẽ được duyệt bởi Sở Lao động - Thương binh – Xã hội thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp khi quyết toán.

- Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập một cách đầy đủ các chứng cứ hiện hữu liên quan đến khoản phải thu khách hàng (8.013.270.889 đồng) được trình bày ở mục số **V.2a** - trang 15 - Thuyết minh báo cáo tài chính do thu đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm chưa được phản hồi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P. GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN TUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIỂU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	100		178.956.703.840	223.094.020.424
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		99.449.635.436	90.972.039.869
1. Tiền	111	V.01	8.850.993.563	23.317.444.997
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.598.641.873	67.654.594.872
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		67.626.005.030	98.704.902.843
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.908.928.175	15.252.773.946
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.625.220.071	67.999.192.485
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	8.091.856.784	15.452.936.412
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.04	10.908.323.608	30.877.077.387
1. Hàng tồn kho	141		10.908.323.608	30.877.077.387
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		972.739.766	2.540.000.325
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10b	972.739.766	2.540.000.325
B. Tài sản dài hạn	200		159.198.987.586	140.979.216.405
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		23.169.713.326	21.162.592.221
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	23.169.713.326	21.162.592.221
- Nguyên giá	222		49.685.124.671	44.337.142.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.515.411.345)	(23.174.550.632)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230	V.06	131.250.500.541	117.344.207.869
1. Nguyên giá	231		141.196.587.665	128.027.636.045
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.946.087.124)	(10.683.428.176)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		2.391.422.033	107.122.945
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	2.391.422.033	107.122.945
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.08	2.351.500.000	2.351.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.351.500.000	2.351.500.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		35.851.686	13.793.370
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		35.851.686	13.793.370
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		338.155.691.426	364.073.236.829

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. Nợ phải trả	300		252.712.302.805	282.193.954.411
I. Nợ ngắn hạn	310		122.441.017.255	173.337.237.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	79.640.008.859	111.745.523.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.265.048.438	29.781.511.718
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	9.810.899.564	8.270.047.319
4. Phải trả người lao động	314		23.067.382.694	19.675.055.329
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	1.354.414.261	2.552.987.099
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.303.263.439	1.312.112.252
II. Nợ dài hạn	330		130.271.285.550	108.856.716.897
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.12	2.496.210.500	3.326.601.585
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	126.712.457.932	105.072.153.617
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.062.617.118	457.961.695
D. Vốn chủ sở hữu	400		85.443.388.621	81.879.282.418
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	74.086.519.720	69.936.543.295
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.109.582.733	52.203.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.109.582.733	52.203.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	16.183.953.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.722.629.733
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.976.936.987	(173.039.438)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(173.039.438)	(3.995.440.904)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.149.976.425	3.822.401.466
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		11.356.868.901	11.942.739.123
1. Nguồn kinh phí	431	V.14	6.802.263.915	6.736.622.494
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.15	4.554.604.986	5.206.116.629
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		338.155.691.426	364.073.236.829

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Hồ Thị Mai Chi
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Hà Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	208.464.663.954	264.763.241.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208.464.663.954	264.763.241.175
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	185.782.261.546	245.448.427.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.682.402.408	19.314.813.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.126.213.130	5.003.418.278
7. Chi phí tài chính	22		200.000	250.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	12.075.330.479	10.296.304.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.733.085.059	14.021.677.459
11. Thu nhập khác	31	VI.05	3.880.984.147	246.835.455
12. Chi phí khác	32		7.191.595	68.650.000
13. Lợi nhuận khác	40		3.873.792.552	178.185.455
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.606.877.611	14.199.862.914
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	4.046.187.949	3.136.950.446
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(552.519.163)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.560.689.662	11.615.431.631

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Hồ Thị Mai Chi
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Hà Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	203.487.277.010	214.776.634.406
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	2	(129.414.229.939)	(83.816.864.598)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(83.158.776.798)	(85.633.185.734)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(250.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(2.520.799.179)	(17.289.826.287)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	68.891.083.856	203.957.301.884
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(47.496.354.331)	(238.817.314.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.788.200.619	(6.823.504.540)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.438.181.818)	(1.269.945.505)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.363.636	97.895.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.126.213.130	5.003.418.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.310.605.052)	3.831.368.227
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.477.595.567	(2.992.136.313)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	90.972.039.869	93.964.176.182
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	99.449.635.436	90.972.039.869

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Hồ Thị Mai Chi
Người lập biểu




Nguyễn Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Hà Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Dịch vụ Đô thị Tân Bình là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 103478 ngày 17/01/1998 và đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 4106000141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2006.

Vào ngày 30/8/2010, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0301416876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/9/2015.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: DISTRICT TAN BINH PUBLIC SERVICES COMPANY LIMITED.

Chủ sở hữu: Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Theo quyết định 4436 ngày 07/9/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Tổng vốn điều lệ mới là 70.110.000.000 đồng.

Tổng vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 70.110.000.000 đồng.

Trụ sở chính đặt tại: Số 310, đường Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích: Vệ sinh công cộng, vận chuyển rác và dịch vụ công cộng. Quản lý duy tu, công trình giao thông, công trình đô thị trên địa bàn theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước. Quản lý, sửa chữa và cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp Quận quản lý.

- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng và xây dựng, sửa chữa nhà dân dụng theo hợp đồng kinh tế. Bán lẻ xăng dầu.

- Dịch vụ nhà đất: chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ. Đo đạc phục vụ khảo sát, thiết kế, thi công công trình. Xây dựng mạng lưới địa chính đo vẽ thành lập bản đồ địa chính, kiểm tra kỹ thuật nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ. Xây dựng, sửa chữa công trình giao thông, xây dựng công trình công cộng;

- Sản xuất, kinh doanh dụng cụ và các loại thùng rác (340 lít, 660 lít, 1100 lít) để phục vụ công tác thu gom vận chuyển rác;

- Đầu tư, kinh doanh phát triển nhà;

- Tư vấn: lập dự án đầu tư;

- Sản xuất, mua bán sản phẩm vi sinh khử mùi (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh và không sản xuất tại trụ sở Công ty);

- Trang trí nội, ngoại thất công trình;

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở Công ty, trong nội thành);

- Thi công lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;

- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ và hệ thống điện trong xe có động cơ (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải);

- Mua bán cây hoa uơm, hoa và cây cảnh, thực vật và cây bụi;

- Cho thuê sân bóng chuyền, tennis, cầu lông, kho, bãi đỗ xe (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Kinh doanh vận tải hàng bằng xe tải. Dịch vụ trông giữ xe. Đại lý vận tải. Thi công công trình cây xanh. Duy tu, chăm sóc hoa viên, tiểu cảnh, dải phân cách công viên cây xanh. Dịch vụ mai táng;
- Đầu tư xây dựng công trình thương mại (trung tâm thương mại, siêu thị);
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (Ki-ốt, trung tâm thương mại) (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (xây dựng và hoàn thiện);
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Danh sách công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tân Bình	24/84C Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và thương mại	100,00%	100,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc

06 - 17 năm

Máy móc thiết bị

07 năm

Phương tiện vận tải

06 - 12 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Trong quá trình cho thuê hoạt động phải tiến hành trích khấu hao BĐSĐT và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê) và trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hiện tại, bất động sản đầu tư đang được Công ty ghi nhận và hạch toán theo giá trị sổ sách kế toán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ lương được tính, trích lập và đưa vào chi phí trong kỳ: lương đối với việc quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước thì dựa trên cơ sở doanh thu cho thuê nhà; lương đối với xây dựng cơ bản thì dựa trên cơ sở thực tế phát sinh công trình; lương đối với dịch vụ công viên, cây xanh thì dựa trên cơ sở ngày công; lương đối với vệ sinh công cộng thì dựa trên cơ sở đơn giá tiền lương theo sản lượng dịch vụ thực hiện. Tiền lương được trích lập đưa vào chi phí trong kỳ còn phụ thuộc vào chỉ tiêu doanh thu hoàn thành. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ, và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

15. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	1.491.243.834	238.254.353
Tiền gửi ngân hàng	7.359.749.729	23.079.190.644
Các khoản tương đương tiền	(*) 90.598.641.873	67.654.594.872
Cộng	99.449.635.436	90.972.039.869

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4% - 5%/năm.

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2015	01/01/2015
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	3.361.302.000	1.490.120.132
- Trường Tiểu học Tân Hóa	3.391.756.927	3.391.756.927
- Trụ sở Cựu chiến binh TPHCM	-	3.913.227.661
- Trường THCS Âu Lạc	2.414.524.000	-
- Công trình tường chắn ngăn triều Quận 8	2.764.626.000	-
- Các khách hàng khác	5.976.719.248	6.457.669.226
Cộng	(*) 17.908.928.175	15.252.773.946

(*) Trong đó, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 8.013.270.889 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Phải thu khác	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	247.475.901		223.312.206	
- Phải thu từ ngân sách Nhà nước liên quan đến phí thẩm định, khảo sát, đo vẽ nhà	456.243.869		486.761.166	
- Phải thu cán bộ, công nhân viên liên quan đến thuế thu nhập cá nhân	78.478.000		65.653.068	
- Phải thu ngân sách Nhà nước liên quan đến chi sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước	1.290.402.975		1.222.097.000	
- Phải thu cơ quan bảo hiểm xã hội	253.130.014		130.808.338	
- Phải thu cổ tức được chia	-		76.871.392	
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu	4.318.883.000		11.613.090.000	
- Đặt cọc tiền thuê đất	332.000.000		319.000.000	
- Các khoản tạm ứng	1.030.480.000		1.263.205.000	
- Phải thu khác	84.763.025		52.138.242	
Cộng	8.091.856.784	-	15.452.936.412	

4. Hàng tồn kho	31/12/2015	01/01/2015
- Nguyên vật liệu	10.617.618.517	16.449.033.598
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(*) 239.233.603	14.271.386.614
- Thành phẩm	51.471.488	156.657.175
Cộng	10.908.323.608	30.877.077.387

(*) Trong đó, chi phí công trình đã hoàn thành là 239.233.603 đồng, chưa được quyết toán.

5. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, Vật kiến trúc		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá		Máy móc thiết bị				
01/01/2015	6.710.168.111	48.000.000	37.488.774.742		90.200.000	44.337.142.853
Tăng	-	-	5.438.181.818		-	5.438.181.818
Giảm	-	-	-		90.200.000	90.200.000
31/12/2015 (*)	6.710.168.111	48.000.000	42.926.956.560		-	49.685.124.671
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2015	1.501.707.526	35.036.534	21.547.606.572		90.200.000	23.174.550.632
Tăng	116.172.655	6.857.143	3.308.030.915		-	3.431.060.713
Giảm	-	-	-		90.200.000	90.200.000
31/12/2015	1.617.880.181	41.893.677	24.855.637.487		-	26.515.411.345

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
01/01/2015	5.208.460.585	12.963.466	15.941.168.170	-	21.162.592.221
31/12/2015	5.092.287.930	6.106.323	18.071.319.073	-	23.169.713.326

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới, giảm trong năm do thanh lý.

TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 12.947.372.680 đồng.

(*) Trong đó, bao gồm nguyên giá của các tài sản cố định (Nhà cửa, vật kiến trúc) phục vụ cho các hoạt động phúc lợi của Công ty không trích khấu hao là 4.594.830.000 đồng.

Bất động sản đầu tư	Nhà ở	Nhà sản xuất kinh doanh	Trung tâm Thương mại Dịch vụ Tân Bình	Chung cư Bàu Cát	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2015	117.522.864.734	1.160.613.611	9.344.157.700	-	128.027.636.045
Tăng	-	-	-	16.304.606.097	16.304.606.097
Giảm	1.369.290.707	19.561.988	-	1.746.801.782	3.135.654.477
31/12/2015	116.153.574.027	1.141.051.623	9.344.157.700	14.557.804.315	141.196.587.665
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2015	3.296.205.345	1.160.613.611	6.226.609.220	-	10.683.428.176
Tăng	-	-	146.859.340	-	146.859.340
Giảm	864.638.404	19.561.988	-	-	884.200.392
31/12/2015	2.431.566.941	1.141.051.623	6.373.468.560	-	9.946.087.124
Giá trị còn lại					
01/01/2015	114.226.659.389	-	3.117.548.480	-	117.344.207.869
31/12/2015	113.722.007.086	-	2.970.689.140	14.557.804.315	131.250.500.541

Nguyên giá bất động sản tăng:

- Giá trị các căn hộ tại chung cư Lô J Bàu Cát 2, Phường 10, Quận Tân Bình do Công ty đang giữ hộ của UBND quận Tân Bình để phục vụ cho công tác tái định cư.

Nguyên giá bất động sản giảm:

- Phá bỏ để xây dựng lại	1.369.290.707
- Bán theo quyết định của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình	1.766.363.770
Cộng	3.135.654.477

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí đo vẽ hiện trạng, kiểm định chợ Tân Bình	84.166.945	84.166.945
- Chi phí thẩm định chung cư số 1 Hưng Long, 3A Phú Hòa	22.956.000	22.956.000
- Chi phí xây dựng công trình chung cư Tân Trụ	2.284.299.088	-
Cộng	2.391.422.033	107.122.945

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con (*)	2.351.500.000	2.351.500.000	-	2.351.500.000	2.351.500.000	-

(*) Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Tân Bình theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41040000546 ngày 01/3/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong năm 2015, Công ty không nhận bất kỳ khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ khoản đầu tư trên.

9. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Xí nghiệp xây lắp 5	18.390.958.133	18.390.958.133	23.694.684.729	23.694.684.729
- Công ty CP Xây lắp và vật tư xây dựng 2	13.533.806.809	13.533.806.809	18.235.798.711	18.235.798.711
- Xí nghiệp xây lắp 3	32.541.290.789	32.541.290.789	52.081.542.226	52.081.542.226
- Xí nghiệp xây lắp 4	10.956.953.638	10.956.953.638	10.893.787.818	10.893.787.818
- Phải trả cho các đối tượng khác	4.216.999.490	4.216.999.490	6.839.710.313	6.839.710.313
Cộng	(*) 79.640.008.859	79.640.008.859	111.745.523.797	111.745.523.797

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	7.249.005.433	12.493.078.394	11.263.472.607	8.478.611.220
- Thuế TNCN	-	31.501.769	-	31.501.769
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
- Phí bảo vệ môi trường	1.021.041.886	9.296.545.391	9.016.800.702	1.300.786.575
Cộng	8.270.047.319	21.826.125.554	20.285.273.309	9.810.899.564
b) Phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	188.043.000	200.254.442	(12.211.442)
- Thuế TNCN	(54.083.231)	54.083.231	-	-
- Thuế TNDN	(2.485.917.094)	4.046.187.949	2.520.799.179	(960.528.324)
Cộng	(2.540.000.325)	4.288.314.180	2.721.053.621	(972.739.766)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Phải trả khác	31/12/2015	01/01/2015
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	1.324.907.323
- Nhận ký quỹ khác	74.599.500	74.599.500
- Phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến việc thu hộ tiền bán lô J chung cư Bàu Cát 2	372.695.334	401.001.186
- Tiền thuê đất nhà sản xuất kinh doanh còn phải nộp	584.967.092	432.174.631
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	322.152.335	320.304.459
Cộng	1.354.414.261	2.552.987.099
b) Dài hạn		
Khoản phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến công trình chung cư Tân Trụ.	126.712.457.932	105.072.153.617
12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Khoản tiền được tích lũy tương ứng với khoản phải thu. Công ty không ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm do doanh thu cho thuê nhà để ở được ghi nhận theo cơ sở thực thu.	2.496.210.500	3.326.601.585

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	52.203.000.000	-	-	52.203.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	16.183.953.000	-	-	16.183.953.000
Các quỹ	1.722.629.733	-	-	1.722.629.733
LNST chưa phân phối	(3.995.440.904)	11.816.890.706	7.994.489.240	(173.039.438)
Cộng	66.114.141.829	11.816.890.706	7.994.489.240	69.936.543.295
	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	52.203.000.000	17.906.582.733	-	70.109.582.733
Vốn khác của chủ sở hữu	16.183.953.000	-	16.183.953.000	-
Các quỹ	1.722.629.733	-	1.722.629.733	-
LNST chưa phân phối (**)	(173.039.438)	14.560.689.662	10.410.713.237	3.976.936.987
Cộng	69.936.543.295	32.467.272.395	28.317.295.970	74.086.519.720

(*) Vốn chủ sở hữu tăng trong năm là do Công ty bổ sung từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu là 16.183.953.000 đồng và nguồn Quỹ đầu tư phát triển là 1.722.629.733 đồng theo quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận Tân Bình.

(**) Lợi nhuận chưa phân phối

Lỗ lũy kế đến 01/01/2015	(173.039.438)
Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm 2015	14.560.689.662
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(10.193.213.237)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(217.500.000)
Lãi lũy kế đến 31/12/2015	3.976.936.987

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguồn kinh phí sự nghiệp

Tại ngày 01/01/2015	6.736.622.494
Tăng trong năm	406.738.586
- Kinh phí tặng quà tết cho công nhân viên	156.400.000
- Kinh phí mua bao nilon và thùng rác công cộng loại 50 lít	211.152.000
- Kinh phí khác	39.186.586
Giảm trong năm	341.097.165
- Chi cho hoạt động sự nghiệp	339.917.165
- Chi khác	1.180.000
Tại ngày 31/12/2015	6.802.263.915

15. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ

Tại ngày 01/01/2015	5.206.116.629
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	651.511.643
- Giảm do phá bỏ để xây dựng lại	504.652.303
- Giảm do trích khấu hao tài sản trên đất của Trung tâm thương mại Tân Bình	146.859.340
Tại ngày 31/12/2015	4.554.604.986

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	174.463.638	139.372.734
- Doanh thu từ việc quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước	3.815.445.804	3.265.936.831
- Doanh thu từ hoạt động xây dựng	82.588.165.549	153.836.465.822
- Doanh thu hoạt động bán hộ nhà Nhà nước	2.153.762.012	1.417.563.015
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.732.826.951	106.103.902.773
+ Hoạt động mai táng	1.135.650.000	1.479.850.000
+ Công viên, hoa viên, cây xanh, đài liệt sỹ	13.669.724.931	12.837.147.969
+ Công cộng	104.927.452.020	91.786.904.804
Cộng	208.464.663.954	264.763.241.175

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	97.095.370	75.225.385
- Giá vốn từ việc quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước	3.635.445.804	3.085.936.831
- Giá vốn từ hoạt động xây dựng	78.631.257.759	145.688.759.682
- Giá vốn hoạt động bán hộ nhà Nhà nước	2.153.762.012	1.417.563.015
- Giá vốn dịch vụ	101.264.700.601	95.180.942.599
+ Hoạt động mai táng	1.033.742.172	1.330.646.205
+ Công viên, hoa viên, cây xanh, đài liệt sỹ	13.669.724.931	12.837.147.969
+ Công cộng	86.561.233.498	81.013.148.425
Cộng	185.782.261.546	245.448.427.512
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	3.991.405.130	4.726.727.886
- Lãi thu từ việc tạm ứng vốn thi công các công trình	134.808.000	199.819.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	76.871.392
Cộng	4.126.213.130	5.003.418.278
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	7.739.762.117	6.939.626.014
- Chi phí công cụ dụng cụ	118.269.200	163.942.462
- Chi phí văn phòng phẩm	171.288.800	272.614.311
- Chi phí khấu hao TSCĐ	88.384.420	154.780.092
- Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
- Chi phí trích lập quỹ phát triển và khoa học công nghệ	604.655.423	457.961.695
- Chi phí điện, nước, điện thoại	186.935.192	186.389.243
- Chi phí tiếp khách	529.802.000	408.794.000
- Chi phí công tác	647.045.000	377.960.000
- Chi phí bằng tiền khác	1.984.188.327	1.329.236.665
Cộng	12.075.330.479	10.296.304.482
5. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.363.636	98.895.454
- Thu nhập từ việc hoàn nhập quỹ lương thừa các năm trước	3.837.808.426	-
- Thu đền bù bảo hiểm tai nạn	-	48.950.000
- Thu nhập khác	41.812.085	98.990.001
Cộng	3.880.984.147	246.835.455

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	44.475.394.936	87.082.951.785
- Chi phí nhân công	98.656.389.841	116.246.619.117
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.431.060.713	3.282.119.547
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.826.816.578	13.059.294.265
- Chi phí khác bằng tiền	6.753.729.477	10.501.620.315
Cộng	179.143.391.545	230.172.605.029
 7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	 Năm nay	 Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.606.877.611	14.199.862.914
Các khoản chi phí không được trừ	-	6.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(76.871.392)
Thu nhập tính thuế ước tính	18.606.877.611	14.129.491.522
- Thu nhập chịu thuế suất 22%	15.153.905.475	13.180.747.821
- Thu nhập chịu thuế công trình XD CB (dự kiến)	3.452.972.136	948.743.701
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.046.187.949	3.136.950.446

VII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Số dư đầu năm

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm phát sinh từ những sai sót trọng yếu cần phải điều chỉnh. Số liệu trên Báo cáo tài chính được trình bày lại như sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Số dư tại ngày 31/12/2014 (đã kiểm toán)	Số dư tại ngày 01/01/2015 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.541.857.222	2.540.000.325	(1.856.897) (c)
Tổng ảnh hưởng đến tài sản	2.541.857.222	2.540.000.325	(1.856.897)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.269.560.956	8.270.047.319	486.363 (b)
Phải trả người lao động	19.998.055.329	19.675.055.329	(323.000.000) (a)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(493.696.178)	(173.039.438)	320.656.740
Tổng ảnh hưởng đến nguồn vốn	27.773.920.107	27.772.063.210	(1.856.897)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH TÂN BÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2014 (đã kiểm toán)	Năm 2014 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Giá vốn hàng bán	245.771.427.512	245.448.427.512	(323.000.000) (a)
Thu nhập khác	247.321.818	246.835.455	(486.363) (b)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.877.349.277	14.199.862.914	322.513.638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.135.093.549	3.136.950.446	1.856.897 (c)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.294.774.891	11.615.431.631	320.656.740

(a) Do điều chỉnh hoàn nhập quỹ lương năm 2014

(b) Do điều chỉnh thuế GTGT phải nộp

(c) Ảnh hưởng từ các điều chỉnh trên.

3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



Hồ Thị Mai Chi
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Trâm
Kế toán trưởng



Hà Văn Toàn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2016